TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/DS-ST
Ngày: 20 - 02 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự, mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Giữ.

2. Ông Mai Minh Chánh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Văn Quang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự, mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 483/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2023/QĐST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Ngọc L, sinh năm 1966. Địa chỉ: Số 52 Cô Giang, phường MB, thành phố LX, tỉnh AG.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Luật sư Lương TH – Công ty Luật TNHH MTV AG thuộc Đoàn luật sư tỉnh AG, địa chỉ: Khóm VL, thị trấn CD, huyện CP, tỉnh AG (có mặt)

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên BG (sau đây gọi tắt là Công ty BG). Địa chỉ: Số 461/14, ấp BM, xã BM, huyện CP, tỉnh AG.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty BG: Ông Trần Quốc Tuấn - Chức vụ: Giám đốc. Địa chỉ: Số 461/14, ấp BM, xã BM, huyện CP, tỉnh AG (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/4/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Ngọc L và người đại diện theo ủy quyền là ông Lương TH trình bày:

Vào ngày 14/8/2020, ông L (Bên mua) và Công ty BG (Bên bán) đã ký kết Hợp đồng mua bán số 30/2020/HDBG, nội dung mua bán hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái do Công ty BG cung cấp. Theo đó, Công ty BG phải cung cấp các sản phẩm đúng với các chủng loại, thông số, số lượng như bảng kê nêu tại Điều 1 Hợp đồng và có nghĩa vụ giao hàng, thi công lắp đặt, vận hành hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái cho bên mua. Tổng giá trị hợp đồng là 1.518.700.000 đồng. Sau khi hợp đồng được ký kết, ông L đã chuyển khoản cho Công ty BG số tiền cọc 500.000.000 đồng như Điều 4 của Hợp đồng và Công ty BG xác nhận đã nhận tiền cọc này.

Quá trình thực hiện hợp đồng thì giữa hai bên có phát sinh tranh chấp. Ngày 07/4/2021, Công ty BG có văn bản yêu cầu kiểm tra thực tế thiết bị bàn giao. Ngày 22/4/2021, hai bên tiến hành lập biên bản xem xét hiện trạng để nghiệm thu công trình nhằm giải quyết tranh chấp giữa hai bên. Thông qua biên bản xem xét hiện trạng, sau nhiều lần thương lượng trao đổi thì hai bên thống nhất được thiết bị mà Công ty BG đã cung cấp cho ông L có tổng giá trị là 382.500.000 đồng, trừ vào tiền cọc 500.000.000 đồng trước đó thì Công ty BG phải hoàn lại cho ông L số tiền 117.500.000 đồng. Tuy nhiên, Công ty BG chỉ muốn trả tiền bằng phương thức trả dần nên ông L không đồng ý, yêu cầu trả một lần. Việc này dẫn đến Công ty BG nhiều lần hứa hẹn ký kết biên bản nghiệm thu hợp đồng nhưng không thực hiện.

Do đó, ông L yêu cầu Tòa án buộc Công ty BG có trách nhiệm hoàn trả cho ông L số tiền 117.500.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ tháng 5/2021 cho đến khi thanh toán xong số tiền này.

Tại Biên bản hòa giải ngày 06/7/2022, người đại diện theo pháp luật của Công ty BG là ông Trần Quốc Tuấn trình bày:

Thống nhất giữa Công ty BG và ông L đã ký kết Hợp đồng mua bán số 30/2020/HDBG ngày 14/8/2020. Tổng giá trị hợp đồng là 1.518.700.000 đồng. Sau khi hợp đồng được ký kết, ông L đã chuyển khoản cho Công ty BG số tiền cọc 500.000.000 đồng vào ngày 17/8/2020.

Quá trình thực hiện hợp đồng thì giữa hai bên có phát sinh tranh chấp nên tiến hành thẩm định hiện trạng và các thiết bị mà Công ty BG đã cung cấp cho ông L. Qua đối chiếu thì chốt số lượng 01 máy biến tầng hòa lưới LITTO 50kW và 104 tấm pin tế bào quang điện có giá trị 382.500.000 đồng. Tuy nhiên, vẫn chưa tính các phụ kiện kèm theo và tiền công lắp đặt với tổng số tiền 77.160.000 đồng. Công ty BG đồng ý thương lượng nhưng phải trừ thêm số tiền 77.160.000 đồng. Do đó, Công ty BG chỉ chấp nhận hoàn trả cho ông L số tiền 40.340.000 đồng.

Tại phiên tòa,

Luật sư Lương TH trình bày: Trước khi mở phiên tòa, giữa ông Trần

Quốc Tuấn đại diện cho Công ty BG và phía nguyên đơn đã thương lượng về việc Công ty BG hoàn trả tiền cho ông L, nhưng ông Tuấn nhiều lần hứa hẹn mà không thực hiện cho đến nay. Do đó, nguyên đơn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu như đã khai trước khi mở phiên tòa. Giữa ông L và Công ty BG thỏa thuận chấm dứt hợp đồng mua bán hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái, thống nhất trừ giá trị các thiết bị Công ty BG đã bàn giao vào số tiền 500.000.000 đồng ông L đã đặt cọc. Nếu tiền cọc dư thì Công ty BG có trách nhiệm trả lại; nếu tiền cọc chưa đủ thì ông L trả tiền thêm. Theo đó, ngày 22/4/2021 hai bên tiến hành xem xét hiện trạng để xác định số lượng, chủng loại thiết bị Công ty BG đã bàn giao; thống nhất số lượng 01 máy biến tầng hòa lưới LITTO 50kW và 104 tấm pin tế bào quang điện có giá trị 382.500.000 đồng. Do đó, yêu cầu Tòa án buộc Công ty BG có trách nhiệm hoàn trả cho ông L số tiền 117.500.000 đồng và yêu cầu tính lãi chậm trả theo quy định của pháp luật với mức lãi suất 10%/năm, tính kể từ ngày 17/5/2022 (ngày thụ lý vụ án) cho đến khi Công ty BG trả tiền xong cho ông L. Yêu cầu tiếp tục tính lãi với mức lãi suất 10%/năm, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi Công ty BG thi hành án xong.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án:

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, buộc Công ty BG trả lại cho ông L số tiền 117.500.000 đồng và tiền lãi chậm trả tiền với mức lãi suất 10%/năm, tính kể từ ngày thụ lý vụ án (17/5/2022) cho đến ngày xét xử sơ thẩm (20/02/2023). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty BG còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Công ty BG có đăng ký kinh doanh theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Ông L ký kết hợp đồng mua bán với tư cách cá nhân, không có đăng ký kinh doanh. Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tại khoản 2 Điều 4 của Hợp đồng mua bán số 30/2020/HDBG ngày 14/8/2020 về thời hạn thanh toán, đợt 1 ông L có nghĩa vụ cọc 500.000.000 đồng sau khi ký hợp đồng xác nhận đơn hàng, nên số tiền 500.000.000 đồng này để đảm bảo cho việc thực hiện hợp đồng. Ngay sau đó hai bên đã thực hiện hợp đồng thông qua việc Công ty BG giao hàng và lắp đặt các thiết bị trong hệ thống điện năng lượng mặt trời. Khi các bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng và kiểm tra thực tế thiết bị bàn giao thì thống nhất trừ giá trị các thiết bị vào số tiền 500.000.000 đồng, nếu có dôi dư thì hoàn trả, nên số tiền 500.000.000 đồng này thực tế đã chuyển hóa thành số tiền trả trước, chứ không còn là tiền đặt cọc do hợp đồng đã được thực hiện. Do đó, Hội đồng xét xử xác định tranh chấp giữa các đương sự

là "Tranh chấp về hợp đồng dân sự, mua bán tài sản". Bị đơn Công ty BG có trụ sở tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các bên tham gia phiên tòa nhưng người đại diện theo pháp luật của Công ty BG là ông Trần Quốc Tuấn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho ông Tuấn về việc giao nộp tài liệu, chứng cứ về các thiết bị, phụ kiện đã bàn giao và tính giá trị thiết bị, phụ kiện, tiền công lắp đặt nhưng ông Tuấn vẫn chưa giao nộp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án; ông Tuấn cũng không có đơn yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ. Xét thấy, Công ty BG có nghĩa vụ chứng minh về các thiết bị, phụ kiện đã bàn giao cho ông L nhưng Công ty BG không giao nộp tài liệu, chứng cứ và cũng không có đơn yêu cầu Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ nên không cần thiết tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với nơi lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời của ông L.

[2] Về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Ông Tuấn đại diện cho Công ty BG và ông L thừa nhận đã ký kết Hợp đồng mua bán số: 30/2020/HDBG ngày 14/8/2020, tổng giá trị hợp đồng là 1.518.700.000 đồng. Sau khi ký kết hợp đồng, ông L đã chuyển khoản cho Công ty BG số tiền 500.000.000 đồng vào ngày 17/8/2020. Công ty BG và ông L thống nhất chấm dứt hợp đồng và kiểm tra thực tế thiết bị bàn giao để trừ giá trị các thiết bị vào số tiền 500.000.000 đồng này. Do đó, lời khai thừa nhận này của các bên là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hợp đồng mua bán tài sản: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án, lời khai của các bên trong quá trình giải quyết vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: Giữa Công ty BG (Bên bán) và ông L (Bên mua) có xác lập hợp đồng mua bán tài sản là hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái; bên bán có nghĩa vụ giao hàng, thi công lắp đặt, vận hành hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái cho bên mua; phương thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản; thỏa thuận tính lãi chậm thanh toán 1,5%/tháng (không được chậm quá 15 ngày). Xét thấy, hợp đồng mua bán tài sản giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức giao dịch phù hợp với quy định tại các điều 117, 118, 119, 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên.

[4] Hợp đồng mua bán chấm dứt theo thỏa thuận của các bên theo quy định tại khoản 2 Điều 422 Bộ luật Dân sự năm 2015. Các bên thống nhất trừ giá trị tài sản Công ty BG đã giao vào tiền cọc 500.000.000 đồng. Tuy nhiên, các

bên chỉ thống nhất được giá trị tài sản gồm 01 máy biến tầng hòa lưới LITTO 50kW và 104 tấm pin tế bào quang điện có giá trị 382.500.000 đồng; theo ông Tuấn thì vẫn chưa tính giá trị các phụ kiện kèm theo và tiền công lắp đặt. Hội đồng xét xử xét thấy, ông L đã chứng minh được mình đã chuyển cho Công ty BG số tiền 500.000.000 đồng (theo giấy ủy nhiệm chi ngày 17/8/2020 và lời khai thừa nhận của bị đơn). Ông Tuấn đại diện cho Công ty BG cho rằng khi kiểm tra thực tế các thiết bị bàn giao thì vẫn chưa tính giá trị các thiết bị, phụ kiện kèm theo và tiền công lắp đặt với tổng số tiền 77.160.000 đồng nên ông Tuấn chỉ chấp nhận hoàn trả cho ông L số tiền 40.340.000 đồng. Như vậy, bị đơn Công ty BG phải có nghĩa vụ chứng minh về các thiết bị, phụ kiện đã bàn giao cho ông L và giá trị của các tài sản này theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Quá trình giải quyết vụ án, ngoài lời khai thì ông Tuấn không có giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ để chứng minh về các thiết bị, phụ kiện đã bàn giao cho ông L. Ông Tuấn đã được Tòa án thông báo về việc giao nộp tài liệu, chứng cứ nhưng ông Tuấn vẫn chưa giao nộp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án; ông Tuấn cũng không có đơn yêu cầu Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ. Tại Biên bản xem xét hiện trạng ngày 22/4/2021 giữa ông L và ông Tuấn – đại diện cho Công ty BG, các bên không thống nhất về số lượng các phụ kiện kèm theo (gồm dây cáp, bát nhôm). Do đó, không có cơ sở xác định các thiết bị phụ kiện mà Công ty BG đã bàn giao cho ông L. Về tiền công lắp đặt, căn cứ Hợp đồng mua bán số: 30/2020/HDBG ngày 14/8/2020 thì giá trị hợp đồng tính trên giá trị các thiết bị, phụ kiện của hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái. Khi giao hàng thì Công ty BG (Bên bán) đương nhiên có nghĩa vụ phải thi công lắp đặt theo Điều 3 của Hợp đồng. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận việc tính tiền công lắp đặt nên không có cơ sở khấu trừ tiền công lắp đặt vào số tiền 500.000.000 đồng theo ý kiến của ông Tuấn. Như vậy, Công ty BG có nghĩa vụ phải trả lại cho ông L số tiền là: 500.000.000 đồng – 382.500.000 đồng = 117.500.000 đồng.

[6] Về yêu cầu tính lãi chậm trả tiền: Tại Điều 6 Hợp đồng mua bán số: 30/2020/HDBG ngày 14/8/2020, các bên thỏa thuận lãi chậm thanh toán là 1,5%/tháng, thấp hơn mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015. Sau khi chấm dứt hợp đồng, Công ty BG chậm thực hiện nghĩa vụ trả lại tiền cho ông L nên phải chịu lãi phát sinh do chậm trả tiền; do các bên không xác định cụ thể thời điểm trả tiền nên tính lãi bắt đầu từ ngày Tòa án thụ lý vụ án (17/5/2022) là phù hợp. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi suất 10%/năm là đúng quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Từ ngày 17/5/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 20/02/2023 là 279 ngày. Tiền lãi được tính như sau:

117.500.000đ x 10%/năm x 279 ngày = 8.981.000 đồng (làm tròn số)

[7] Như vậy, Công ty BG có trách nhiệm trả cho ông L số tiền tổng cộng là: 126.481.000 đồng, trong đó bao gồm: Nợ gốc 117.500.000 đồng và 8.981.000 đồng tiền lãi chậm trả tính kể từ ngày thụ lý vụ án 17/5/2022 đến

ngày xét xử sơ thẩm 20/02/2023. Ngoài ra, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty BG còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của L được chấp nhận toàn bộ nên ông L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; trả lại cho ông L số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Đối với Công ty BG vi phạm nghĩa vụ trả tiền và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên Công ty BG phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 166, 357, 422, 430, 440 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 13 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Ngọc L về việc yêu cầu Công ty BG thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Buộc Công ty BG có trách nhiệm trả cho ông Trần Ngọc L số tiền tổng cộng là: 126.481.000 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi mốt nghìn đồng), trong đó bao gồm:

- Tiền nợ gốc: 117.500.000 đồng (Một trăm mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng);

- Tiền lãi chậm trả tính kể từ ngày 17/5/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 20/02/2023 là: 8.981.000 đồng (Tám triệu chín trăm tám mươi mốt nghìn đồng).

Kể từ ngày 21/02/2023 (ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thi hành án xong, Công ty BG còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Trả lại cho ông Trần Ngọc L số tiền 2.937.000 đồng (Hai triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003750 ngày 17 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Công ty BG phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.324.000 đồng (Sáu triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Ông Trần Ngọc L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty BG có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- CCTHADS huyện Châu Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Giữ **Mai Minh Chánh** **Nguyễn Duy Linh**